TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/LĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang.

2. Ông Phan Văn Thà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-LĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc K, sinh năm 1985, cư trú tại: Tổ 5, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại và Dịch vụ A. Địa chỉ trụ sở: Số 86, Đường số 1, KDC C, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ chi nhánh: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Quang M, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 4/81 Q, phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại và Dịch vụ A), vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm Xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ trụ sở: Số 30 Quốc lộ 22B, khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị B, là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Giám đốc Bảo hiểm Xã hội huyện T), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc K trình bày:

Chị làm việc cho Công ty TNHH SX-TM &DV A khoảng 6, 7 tháng trước khi ký hợp đồng lao động. Đến ngày 01/11/2022, chị ký Hợp đồng lao động số 34/HĐLĐ-ACTN với Chi nhánh Công ty TNHH SX-TM&DV A – Nhà máy A, người đại diện là ông Hà Đam D– Chức vụ: Giám đốc, thời hạn 03 năm từ ngày ký hợp đồng 01/11/2022 đến ngày 31/10/2025, địa điểm làm việc tại Nhà máy A, địa chỉ: Tổ 7, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; công việc chính là công nhân lựa phôi. Thời gian làm việc 08 tiếng/ngày, làm việc giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ, nghỉ ngày Chủ nhật (nếu có làm thêm thì công ty trả lương bằng 1,5 ngày). Tiền lương thỏa thuận là 3.894.800 đồng/tháng nhưng thực tế cao hơn lương hợp đồng vì cộng thêm tiền cơm, tiền làm thêm giờ, tiền chuyên cần… Theo hợp đồng lao động, hai bên thoả thuận chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước hiện hành. Công ty trả lương ngày 10 hàng tháng, hình thức thanh toán tiền mặt. Hàng tháng Công ty dán thông báo bảng tính công của từng công nhân để đối chiếu. Khi trả lương, mỗi công nhân sẽ nhận được tờ giấy nhỏ nhưng hiện tại chị đã bỏ những tờ giấy đó.

Chị làm việc tại Nhà máy A đến khoảng đầu tháng 12/2023 thì ngừng vì nhà máy ngưng hoạt động, không trả lương cho chị. Công nhân có yêu cầu trả tiền nhưng công ty không trả sau đó công ty ngưng hoạt động và công nhân không làm việc nữa. Số tiền lương Công ty còn nợ cụ thể: Tháng 10/2023 là 6.542.000 đồng, tháng 11/2023 là 5.959.000 đồng; tháng 12/2023 là 1.400.000; tổng cộng 13.901.000 đồng.

Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 30/12/2023 Công ty không đóng bảo hiểm xã hội cho chị nhưng vẫn trừ tiền bảo hiểm trong tiền lương hàng tháng. Nay chị yêu cầu Công ty TNHH SX-TM& DV A:

Trả số tiền lương tháng 10, 11/2023 số tiền 12.501.000 đồng. Chị rút yêu cầu Công ty về việc trả tiền lương tháng 12/2023 số tiền 1.400.000 đồng.

Yêu cầu Công ty TNHH SX-TM&DV A có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thời gian từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2023 cho chị theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm Xã hội huyện T trình bày:

Công ty TNHH SX-TM&DV A có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được một thời gian nhưng sau đó không đóng nữa. Hiện tại còn nợ tiền bảo hiểm. Số tiền bảo hiểm công ty còn nợ bảo hiểm thì bảo hiểm có nghĩa vụ yêu cầu công ty đóng. Do nhiều lần làm việc với công ty nhưng giám đốc công ty hứa hẹn mà không thực hiện nên đến nay vẫn chưa thu hồi được tiền bảo hiểm công ty còn nợ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; các điều 2, 21, 85, 86 của Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc K đối với Công ty TNHH SX-TM&DV A về "Tranh chấp hợp đồng lao động". Buộc Công ty TNHH SX-TM&DV A có nghĩa vụ trả cho chị K tiền lương tháng 10, 11/2023 tổng cộng 12.501.000 đồng; ghi nhận chị K không yêu cầu tính lãi. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả tiền lương lao động tháng 12/2023 là 1.400.000 đồng. Công ty TNHH SX-TM&DV Á Châu có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị K từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2023 căn cứ trên mức lương theo hợp đồng lao động là 3.894.800 đồng/tháng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho chị K theo quy định pháp luật. Về án phí: Công ty TNHH SX-TM&DV A phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[1.2] Chị Trần Thị Ngọc K khởi kiện Công ty TNHH SX-TM &DV A có địa chỉ trụ sở: Số 86, Đường số 1, KDC C, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu trả tiền lương, thực hiện việc đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Xét thấy hợp đồng lao động phát sinh từ hoạt động của chi nhánh Công ty TNHH SX–TM &DV A - Nhà máy A có địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi có chi nhánh của Công ty giải quyết tranh chấp. Căn cứ Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Bị đơn có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự. Bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[2.2] Xét hợp đồng lao động, nguyên đơn cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là "Hợp đồng lao động số 34/HĐLĐ-ACTN" ngày 01/11/2022 giữa người sử dụng lao động là Chi nhánh Công ty TNHH SX-TM & DV A – Nhà máy A, đại diện là ông Hà Đam D – Chức vụ: Giám đốc, người lao động là chị Trần Thị Ngọc K. Xét thấy hình thức hợp đồng lao động được lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận về việc làm, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động; đảm bảo nguyên tắc thẩm quyền giao kết hợp đồng. Căn cứ các điều 14, 18, 21, 23 hợp đồng lao động số 34/HĐLĐ-ACTN có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2022.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lương: Hợp đồng lao động thể hiện tiền lương các bên thỏa thuận là 3.894.800 đồng nhưng thực tế cao hơn lương hợp đồng vì cộng thêm tiền cơm, tiền làm thêm giờ, tiền chuyên cần. Nguyên đơn cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 02 "Bảng lương CB-CNV" thể hiện chi tiết tiền lương tháng 10, 11/2023 giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH SX-TM&DV A – Nhà máy A và người lao động có chữ ký của ông Cao Minh H, chị Đinh Thị Kim Th. Trong đó tại vị trí số thứ tự 95 (tháng 10), số thứ tự 74 (tháng 11) thể hiện tên người lao động Trần Thị Ngọc K. Chị Th trình bày chị làm việc tại vị trí kế toán Nhà máy A thời gian từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023. Tại các biên bản làm việc giữa Bảo hiểm Xã hội huyện T với Chi nhánh Công ty TNHH SX-TM&DV A – Nhà máy A thể hiện đại diện Công ty là ông Cao Minh H – Chức vụ Phó giám đốc. Nhận thấy bảng lương do nguyên đơn cung cấp thể hiện các bên thỏa thuận mức lương cơ bản là 5.000.000 đồng/tháng (tương đương 26 ngày làm việc), trong đó: Tháng 10/2023 là 6.542.000 đồng, tháng 11/2023 là 5.959.000 đồng, tổng cộng 12.501.000 đồng. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai người làm chứng xác định Chi nhánh Công ty TNHH SX-TM&DV A – Nhà máy A không hoạt động sản xuất, kinh doanh từ tháng 12/2023, không trả lương cho người lao động từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2023. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy Công ty TNHH SX-TM&DV A vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng lao động, trả lương không đúng thời hạn, không trả đủ lương cho người lao động. Căn cứ các điều 90, 95, 97 của Bộ luật Lao động, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH SX-TM&DV A có nghĩa vụ trả cho chị K tiền lương còn nợ của tháng 10, 11/2023 là 12.501.000 đồng, ghi nhận chị K không yêu cầu tính tiền lãi.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, chị K tự nguyện rút yêu cầu Công ty TNHH SX-TM&DV A trả tiền lương làm việc của tháng 12/2023 thời gian 07 ngày số tiền 1.400.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lương tháng 12/2023 của chị K.

[3] Xét yêu cầu đóng bảo hiểm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng lao động số 46/HĐLĐ-ACTN ngày 01/11/2022 giữa Chi nhánh Công ty TNHH SX-TM&DV A và chị K thể hiện thỏa thuận quyền của người lao động "Chế độ Bảo hiểm theo quy định của Nhà nước ban hành". Tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng quy định về nghĩa vụ của người sử dụng lao động "Thực hiện đầy đủ những điều kiện cần thiết đã cam kết trong Hợp đồng lao động để người lao động đạt hiệu quả công việc cao" và "Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động".

Nguyên đơn trình bày khi ký hợp đồng lao động, các bên thỏa thuận căn cứ mức lương cơ bản 3.894.800 đồng, hàng tháng Công ty khấu trừ tiền lương 409.000

đồng để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, xác định Công ty TNHH SX-TM&DV A không đóng bảo hiểm theo quy định từ tháng 11/2022 cho đến nay. Mặt khác, 02 "Bảng lương CB-CNV" tháng 10, 11/2023 do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc khấu trừ bảo hiểm, cụ thể mức lương tham gia bảo hiểm của chị K là 3.894.800 đồng, bảo hiểm xã hội 08%, bảo hiểm y tế 1,5%, bảo hiểm thất nghiệp 01%, tổng số tiền bảo hiểm người lao động phải trả là 409.000 đồng. Lời trình bày của chị K là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Công ty TNHH SX-TM&DV A đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng lao động và trách nhiệm của người sử dụng lao động; hàng tháng mặc dù đã trích từ tiền lương của người lao động nhưng không đóng bảo hiểm xã hội theo quy định về nghĩa vụ thực hiện việc đóng bảo hiểm. Căn cứ các điều 21, 85, 86 của Luật Bảo hiểm xã hội, chị Trần Thị Ngọc K yêu cầu Công ty TNHH SX-TM&DV A đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Công ty TNHH SX-TM & DV A phải chịu 375.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp đòi tiền lương và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp tiền bảo hiểm.

- Chị Trần Thị Ngọc K là người lao động khởi kiện đòi tiền lương, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 13, 90, 95, 97 của Bộ luật Lao động; các điều 21, 85, 86 và 89 của Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc K đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất-Thương mại và Dịch vụ A về việc "Tranh chấp hợp đồng lao động".

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất-Thương mại và Dịch vụ A có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Ngọc K tiền lương tháng 10/2023 là 6.542.000 đồng, tháng 11/2023 là 5.959.000 đồng; tổng cộng 12.501.000 (mười hai triệu năm linh một nghìn) đồng; ghi nhận chị K không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc K về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất-Thương mại và Dịch vụ A có nghĩa vụ trả tiền lương tháng 12/2023 số tiền 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng.

3. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất-Thương mại và Dịch vụ A thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị Trần Thị Ngọc K vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 11/2022 đến tháng 11/2023; căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động là 3.894.800 đồng/tháng, số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất-Thương mại và Dịch vụ Á Châu phải chịu 375.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về tiền lương và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về tiền bảo hiểm, tổng cộng 675.000 (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Chị Trần Thị Ngọc K thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương